

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 5)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 13 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy
định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 77/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về các
nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa
phương giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/2020/NQ-
HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 3);

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 4);

Xét Tờ trình số 932/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 5); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 5) như sau:

1. Điều chỉnh tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND cụ thể:

Điều chỉnh tăng 624.000 triệu đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng do bổ sung nguồn vốn: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển.

Sau khi thực hiện điều chỉnh, tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng tăng từ 10.716.583 triệu đồng lên 11.340.583 triệu đồng. Trong đó:

- 1.1. Vốn cân đối ngân sách địa phương: 5.478.900 triệu đồng, bao gồm:
 - Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 4.351.700 triệu đồng.
 - Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 1.000.000 triệu đồng.
 - Xổ số kiến thiết: 75.000 triệu đồng.
 - Bội chi ngân sách địa phương: 52.200 triệu đồng.

1.2. Nguồn tăng thu ngân sách địa phương (bao gồm tăng thu từ sử dụng đất): 3.433.488 triệu đồng.

1.3. Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh: 1.425.483 triệu đồng.

1.4. Vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác: 49.100 triệu đồng.

1.5. Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ: 204.912 triệu đồng.

1.6. Vốn dự phòng ngân sách Trung ương: 124.700 triệu đồng.

1.7. Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển: 624.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

Trong tổng số vốn tăng 624.000 triệu đồng nêu trên, số vốn đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này là 262.000 triệu đồng. Số vốn 362.000 triệu đồng còn lại là số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo)

2. Điều chỉnh phần vốn đã thực hiện phân bổ chi tiết tại các Nghị quyết: Nghị quyết số 68/NQ-HĐND, Nghị quyết số 86/NQ-HĐND, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND, Nghị quyết số 55/NQ-HĐND và Nghị quyết số 78/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

2.1. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương:

2.1.1. Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước *(tính bố trí)*:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của 02 dự án với số vốn là 101.151 triệu đồng, bao gồm: Giảm 96.151 triệu đồng của dự án đường tránh thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng và giảm 5.000 triệu đồng của dự án cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 209, tỉnh Cao Bằng *(Lý trình Km19+00 - Km79+00 và cầu BTCT tại Km15+200)*.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho 02 dự án với số vốn là 101.151 triệu đồng bao gồm: Tăng 96.151 triệu đồng cho dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng *(tỉnh Lạng Sơn)* - Trà Lĩnh *(tỉnh Cao Bằng)* theo hình thức đối tác công tư và tăng 5.000 triệu đồng cho dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xóm Đồng Át, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

(Chi tiết tại biểu số 04 kèm theo)

2.2. Tăng thu ngân sách địa phương

- Điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 với số vốn là 155.496 triệu đồng, bao gồm: Điều chỉnh giảm 95.496 triệu đồng phần vốn điều lệ Quỹ phát triển đất và điều chỉnh giảm 60.000 triệu đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của dự án: Xây dựng mới Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho dự án: Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng *(tỉnh Lạng Sơn)* - Trà Lĩnh *(tỉnh Cao Bằng)* theo hình thức đối tác công tư với số vốn là 155.496 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 05 kèm theo)

3. Điều chỉnh mức vốn dự phòng chung

Điều chỉnh giảm 187.215,539 triệu đồng vốn dự phòng chung *(đã xác định tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND)* để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này, cụ thể như sau: Phân bổ 187.215,539 triệu đồng để bố trí tăng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho dự án: Đầu tư xây dựng tuyến cao

tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư.

Sau điều chỉnh, mức vốn dự phòng chung giảm từ 369.311,196 triệu đồng còn 182.095,657 triệu đồng - tương ứng với mức dự phòng chung là 5%.

(Chi tiết tại biểu số 04 kèm theo)

4. Điều chỉnh phân vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết, cụ thể như sau:

4.1. Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

Điều chỉnh giảm 14.500 triệu đồng số vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm hết 14.500 triệu đồng, đảm bảo phân bổ chi tiết toàn bộ số vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025.

(Chi tiết tại biểu số 04 kèm theo)

4.2. Tăng thu ngân sách địa phương

Điều chỉnh giảm 1.152.449,804 triệu đồng vốn tăng thu ngân sách địa phương chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn tăng thu ngân sách địa phương chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 1.358.052,804 triệu đồng còn 205.603 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 05 kèm theo)

4.3. Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh

Điều chỉnh giảm 65.693,224 triệu đồng nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn tăng thu ngân sách địa phương chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 130.436 triệu đồng còn 64.742,776 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 06 kèm theo)

5. Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng, Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 2), Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 3) và Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về

điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 4).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Đối với các dự án chưa đủ điều kiện giao vốn theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 13 (*chuyên đề*) thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua. *GH*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HEND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê



Biểu số 01

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỈNH CAO BANG
(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại NQ số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG CỘNG	10.716.583,000		624.000,000	11.340.583,000	
I	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	5.478.900,000			5.478.900,000	Không thực hiện điều chỉnh
1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.351.700,000			4.351.700,000	
	Trong đó:					
	- Huyện bố trí	652.755,000			652.755,000	
	- Tỉnh bố trí	3.698.945,000			3.698.945,000	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.000.000,000			1.000.000,000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xô số kiến thiết	75.000,000			75.000,000	
4	Bội chi ngân sách địa phương	52.200,000			52.200,000	
II	Nguồn tăng thu ngân sách địa phương (Bao gồm tăng thu từ sử dụng đất)	3.433.488,000			3.433.488,000	Không thực hiện điều chỉnh
III	Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh	1.425.483,000			1.425.483,000	Không thực hiện điều chỉnh
IV	Vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác	49.100,000			49.100,000	Không thực hiện điều chỉnh
V	Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ	204.912,000			204.912,000	Không thực hiện điều chỉnh
1	Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ nguồn vay bổ sung từ trả nợ gốc năm 2021	13.800,000			13.800,000	
2	Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ nguồn bội chi và vay bổ sung từ trả nợ gốc giai đoạn 2022-2025	191.112,000			191.112,000	
VI	Dự phòng ngân sách Trung ương	124.700,000			124.700,000	Không thực hiện điều chỉnh
VII	Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển			624.000,000	624.000,000	Điều chỉnh tăng kế hoạch trung hạn - Chi tiết tại Biểu số 03

Biểu số 02

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH SỐ VỐN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ CHI TIẾT TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 78/NQ-HĐND NGÀY 09/12/2022

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Điều chỉnh		Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG CỘNG	1.502.988,804	1.232.643,028	362.000,000	632.345,776	
I	Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển			362.000,000	362.000,000	Biểu số 03
II	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	14.500,000	14.500,000		-	
1	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	14.500,000	14.500,000		-	Biểu số 04
III	Tăng thu ngân sách địa phương	1.358.052,804	1.152.449,804		205.603,000	Biểu số 05
IV	Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh	130.436,000	65.693,224		64.742,776	Biểu số 06


Biểu số 03


KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG CHO CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN


(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)


Đơn vị: Triệu đồng


STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	TỔNG SỐ				280.032,000	202.160,000	564.085,322	624.000,000	
A	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết							362.000,000	
B	Phân bổ chi tiết				280.032,000	202.160,000	564.085,322	262.000,000	
I	Quốc phòng				5.297,000	5.297,000	5.297,000	5.297,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				5.297,000	5.297,000	5.297,000	5.297,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025								
	Dự án nhóm C								
1	Cấm các loại biển báo "khu vực biên giới", "vành đai biên giới", "vùng cấm" trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Trên địa bàn 37 xã, 03 thị trấn thuộc các huyện biên giới: BLâm, BLạc, HQ, TK, HL, QH, TA	2023-2024	19/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh	5.297,000	5.297,000	5.297,000	5.297,000	
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				8.863,000	8.863,000	8.863,000	8.863,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				8.863,000	8.863,000	8.863,000	8.863,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025								
	Dự án nhóm C								
1	Lắp đặt hệ thống Camera giám sát an ninh, trật tự an toàn giao thông trên trục đường Võ Nguyên Giáp, đường Quốc lộ 3 và Trung tâm hành chính tỉnh	TPCB	2023-2024	21/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	
2	Xây dựng, cải tạo, mở rộng khu giam người bị án tử hình và hệ thống kiểm soát an ninh tại Trại giam thuộc Công an tỉnh Cao Bằng	TPCB	2023-2024	22/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh	3.863,000	3.863,000	3.863,000	3.863,000	
III	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				38.000,000	38.000,000	38.000,000	38.000,000	

STT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				38.000,000	38.000,000	38.000,000	38.000,000	
	Dự án nhóm C								
1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho Trường Chính trị Hoàng Đình Giông, tỉnh Cao Bằng	TPCB	2023-2025	17/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh	38.000,000	38.000,000	38.000,000	38.000,000	
IV	Các hoạt động kinh tế				227.872,000	150.000,000	227.955,424	159.189,424	
<i>IV.1</i>	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>				<i>227.872,000</i>	<i>150.000,000</i>	<i>227.872,000</i>	<i>159.106,000</i>	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				227.872,000	150.000,000	227.872,000	159.106,000	
<i>a</i>	<i>Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025</i>								
	Dự án nhóm B								
1	Dự án thành phần số 3: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Cao Bằng thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh Miền núi phía Bắc	HA	2022-2025	5137/QĐ-BNN-PCTT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngày 30/12/2022	77.872,000		77.872,000	9.106,000	
2	Đập dâng nước thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	TPCB	2023-2025	20/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh	150.000,000	150.000,000	150.000,000	150.000,000	
<i>IV.2</i>	<i>Các công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới</i>						<i>83,424</i>	<i>83,424</i>	
(1)	Danh mục dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020						83,424	83,424	
	Dự án nhóm B								
1	Dự án thu hồi đất dọc theo quy hoạch hai bên đường phía Nam Khu đô thị mới từ Km0 +00 và quy hoạch phân khu đô thị Sông Hiến, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	TPCB	2012-2015	582/QĐ-UBND ngày 09/5/2012	769.911,000		83,424	83,424	
V	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật						283.969,898	50.650,576	


STT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
V.1	Hỗ trợ đổi ứng thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025						258.339,688	42.020,366	
V.2	Xử lý công nợ phải trả đối với các dự án đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành						3.630,210	3.630,210	
1	Nhà vệ sinh gia đình và tắm đạn bê tông dầy rãnh thoát nước bản Pác Răng, xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng			745/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh				0,564	
2	Đường vào làng, bãi đậu xe làng rền Pác Răng, xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng			465/QĐ-UBND ngày 18/04/2013 của UBND tỉnh				7,323	
3	Miếu làng Pác Răng, xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng			484/QĐ-UBND ngày 24/04/2013 của UBND tỉnh				1,046	
4	Thoát nước, thu gom rác thải và sắp xếp lại tổ hợp lò rền bản Pác Răng, xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng			1412/QĐ-UBND ngày 05/10/2012 của UBND tỉnh				5,643	
5	Đường mòn đi bộ, đường mòn lên núi và biển chỉ dẫn bản Pác Răng, xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng			1355/QĐ-UBND ngày 28/9/2012 của UBND tỉnh				3,099	
6	Cải tạo gắm nhà sàn các hộ dân trong xóm Pác Răng, xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng			2025/QĐ-UBND ngày 15/09/2011 của UBND tỉnh				10,393	
7	Hệ thống cấp nước sinh hoạt, xử lý nước thải, chất thải tại làng rền Pác Răng, xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên			1503/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND tỉnh				8,842	
8	Trung tâm thông tin, giới thiệu du lịch Pác Răng, xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng			581/QĐ-UBND ngày 09/5/2012 của UBND tỉnh				4,021	
9	Phát triển lưới điện cụm xã Đào Ngạn - Xuân hòa - Phù ngọc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng			2898/QĐ-UBND ngày 16/12/2008 của UBND tỉnh				73,466	
10	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở. Thuộc chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo năm 2014 tỉnh Cao Bằng			1847/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh				2,819	
11	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo năm 2015 tỉnh Cao Bằng			984/QĐ-UBND ngày 10/7/2015 của UBND tỉnh				2,818	


STT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
12	Công thông tin điện tử thành phần 10 cơ quan; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Sở Tư pháp; Thanh tra tỉnh; Sở Ngoại vụ; Ban Dân tộc tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; UBND Thành phố Cao Bằng; UBND huyện Hà Quảng; UBND huyện Trùng Khánh			1603/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của UBND tỉnh				6,720	
13	Cải tạo, nâng cấp mạng máy tính nội bộ các huyện: Phục Hòa, Quảng Uyên, Trùng Khánh, Hạ Lang, Thạch An, Hà Quảng, Trà Lĩnh, Bảo Lạc, Nguyên Bình			1727/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh				3,478	
14	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị Trụ sở làm việc Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, Chi cục Hải quan và Đồn Biên phòng cửa khẩu Tà Lùng			1748/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 của UBND tỉnh				12,870	
15	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Lý Vạn, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng			1132/QĐ-UBND ngày 11/08/2014 của UBND tỉnh				13,364	
16	Cải tạo, nâng cấp Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng			1518/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 của UBND tỉnh				29,168	
17	Chợ cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phục Hòa			2601/QĐ-UBND ngày 11/10/2004 của UBND tỉnh; 2395/QĐ-UBND ngày 15/10/2009 của UBND tỉnh				35,266	
18	Khu tái định cư Đường vào lối mở Nà Đơong, cửa khẩu Trà Lĩnh, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng			1167/QĐ-UBND ngày 14/8/2014 của UBND tỉnh				14,429	
19	Cải tạo, nâng cấp đường Háng Châu - Nhà máy thủy điện Nà Lò, tỉnh Cao Bằng			2131/QĐ-GT-UB ngày 14/10/2002 của UBND tỉnh				448,131	
20	Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm Cao Bằng			2239/QĐ-UBND ngày 25/9/2009 của UBND tỉnh				108,331	
21	Cấp nước sinh hoạt xã Hồng Định, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng			259/QĐ-UBND ngày 21/2/2011 của UBND tỉnh				6,315	
22	Trường Mầm non Thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng			1422/QĐ-UBND ngày 16/06/2005 của UBND tỉnh				38,604	


STT		Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển			Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
23	Trường tiểu học Cốc Pàng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Hạng mục: Nhà 6 lớp học (Mẫu 23/TH-CB-6P-30)			2132/QĐ-UBND ngày 07/10/2008 của UBND tỉnh				13,673	
24	Nhà công vụ giáo viên trường tiểu học xã Kim Cúc, huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng. Hạng mục: Nhà công vụ 4 phòng (Mẫu số 04/CV-CB-aP) - Xây dựng 2 nhà			2910/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh				5,774	
25	Mường Bàn Tuồng, xã Sơn Lộ huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng			1697/QĐ-UBND ngày 29/9/2010 của UBND tỉnh				23,091	
26	Đường GTNT Phiêng Dật - Phần Quang, xã Phan Thanh, huyện Bảo Lạc (đoạn Phiêng Dật - Cốc Lại)			1340/QĐ-UBND ngày 19/8/2010 của UBND tỉnh; 1591/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của UBND tỉnh				174,393	
27	Đường vào trụ sở UBND xã Kim Cúc, huyện Bảo Lạc (tuyến Vằng Linh - Quang Mậu)			3130/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh				97,230	
28	Trường THCS Kim Cúc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng			1599/QĐ-UBND ngày 24/9/2010 của UBND tỉnh; 2230/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh				81,402	
29	Trụ sở làm việc UBND xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng			1595/QĐ-UBND ngày 24/9/2010 của UBND tỉnh; 1211/QĐ-UBND ngày 15/3/2013 của UBND tỉnh				42,063	
30	Trường THCS thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng			2474/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND tỉnh				44,896	
31	Đường Tam Kim - Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng			1613/QĐ-UBND ngày 28/7/2009 của UBND tỉnh; 2165/QĐ-UBND ngày 17/11/2010 của UBND tỉnh				24,230	
32	Chợ thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng			3612/QĐ-UBND ngày 21/12/2005 của UBND tỉnh; 1491/QĐ-UBND ngày 15/10/2012 của				76,629	


STT		Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
33	Trụ sở làm việc UBND xã Mai Long, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng			1713/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh; 1255/QĐ-UBND ngày 17/9/2012 của UBND tỉnh				24,626	
34	Định canh định cư xóm Nà Lặng, xã Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng			1587/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 của UBND tỉnh				159,035	
35	Cải tạo, nâng cấp đường Quốc Phong - Phi Hải, huyện Quảng Uyên			793/QĐ-GT-UB ngày 29/04/2003 của UBND tỉnh				23,281	
36	Mương Nà Ké - Toàng Thang, xã Triệu Ấu, huyện Phục Hòa			2084/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND tỉnh				23,740	
37	Đường giao thông nông thôn liên xã Tự do - Đoài Khôn, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng			2286/QĐ-UBND ngày 15/9/2004 của UBND tỉnh; 1960/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của UBND tỉnh				12,947	
38	Đường giao thông nông thôn liên xóm Bán Vàng - Khuổi Sáp, xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng			1682/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh				16,990	
39	Trung tâm cụm xã Bản Bó, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng			1607/QĐ-UBND ngày 24/9/2010 của UBND tỉnh				24,554	
40	Nâng cấp trường Trung học phổ thông, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng			2508/QĐ-UBND ngày 27/10/2009 của UBND tỉnh				49,968	
41	Trường Trung học cơ sở xã Cẩn Nông, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng			2942/QĐ-UBND ngày 04/12/2009 của UBND tỉnh				5,106	
42	Đường từ ngã ba Trường Trung học cơ sở xã Lương Thông - Lát Khuy, xã Vị Quang, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng			21/QĐ-UBND ngày 08/01/2010 của UBND tỉnh				37,764	
43	Nâng cấp hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Cao Bằng			1642/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh				1,427	
44	Xây dựng trang thông tin điện tử cho Công an tỉnh, cổng thông tin đối ngoại tỉnh			1927/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh				2,565	




STT		Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển			Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
45	Nâng cấp, cải tạo đôn Biên phòng cửa khẩu Lý Vạn (97)/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng			1938/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh				24,255	
46	Nâng cấp, cải tạo đôn Biên phòng cửa khẩu Thị Hoa (87)/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng			1939/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh				23,050	
47	Cải tạo, sửa chữa Đôn Biên phòng Ngọc Côn (107) - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng			39/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh; 383/QĐ-UBND ngày 30/03/2016 của UBND tỉnh				26,077	
48	Kè chống sạt lở Đôn Biên phòng Cốc Pàng thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng			1681/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh; 2027/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh				28,318	
49	Kè chống sạt lở khu ruộng xóm Nà Mo, thị trấn Pác Miếu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng			1361/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh				46,913	
50	Nhà hội đồng Trường THPT Thông Huệ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng			1602/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND tỉnh; 1915/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh				10,400	
51	Mở rộng Trường THPT Phục Hòa, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng			1605/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND tỉnh; 1911/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh				6,300	
52	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Trà Lĩnh, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng			1821/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh; 1978/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh				14,557	
53	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng			1819/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh; 1975/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh				16,159	

STT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
54	Trạm y tế xã Nà Sác, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng			1809/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh; 1925/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh				2,110	
55	Trạm y tế xã Hồng Đại, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng			1810/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh; 1955/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh				2,087	
56	Nhà ở cho các đối tượng thuộc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Cao Bằng			2013/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của UBND tỉnh; 1989/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh				150,664	
57	Trường tiểu học Hưng Đạo, xã Hưng Đạo, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng			1626/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của UBND tỉnh; 1913/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh				24,198	
58	Trường mầm non Thượng Hà, xã Thượng Hà, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng			1631/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của UBND tỉnh; 1943/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh				47,027	
59	Trường tiểu học Đình Phùng, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng			1872/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh; 2060/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh				21,906	
60	Hỗ trợ xây dựng 07 phòng học mầm non tại huyện Nguyên Bình năm 2017 thực hiện Đề án phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng			2050/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh				10,811	
61	Đường Minh Tâm - Hồng Việt (đoạn trung tâm xã Minh Tâm, xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (Km0+00-Km2+577,83)			816/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 của UBND tỉnh				32,301	

STT		Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
62	Trường THCS thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng			1638/QĐ-UBND ngày 30/09/2015 của UBND tỉnh; 1894/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh				12,285	
63	Trường mầm non Phục Hòa, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng			1621/QĐ-UBND ngày 30/09/2015 của UBND tỉnh; 1888/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh				365,668	
64	Trường THCS Hồng Định, xã Hồng Định, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng			1630/QĐ-UBND ngày 30/09/2015 của UBND tỉnh; 1940/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh				4,000	
65	Định canh định cư xóm Nà Mý, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2008-2010 - Hạ mục: Đường giao thông (KM4+612,48 - Km6+739,94); Nhà công vụ giáo viên; Nhà văn hóa kết hợp nhà trẻ mẫu giáo			474/QĐ-UBND ngày 25/3/2008 của UBND tỉnh				98,558	
66	Trường mầm non Nam Quang, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng			1625/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của UBND tỉnh				74,639	
67	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng			1866/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của UBND tỉnh; 2039/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh				2,226	
68	Trường mầm non Dê Rào, xã Đa Thông, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng			2000/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh; 2040/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh				1,432	
69	Trường Trung học cơ sở Đào Ngạn, xã Đào Ngạn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng			1793/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh; 2035/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh				13,299	
70	Trường tiểu học Nà Giàng, xã Phù Ngọc, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng			1905/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh				18,439	

STT		Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
71	Trường Trung học cơ sở Văn Dĩnh, xã Văn Dĩnh, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng			1795/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh; 2034/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh				8,689	
72	Trường mầm non Văn Dĩnh, xã Văn Dĩnh, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng			1792/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh; 2033/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh				11,119	
73	Cải tạo, nâng cấp trường DTNT Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng			1703/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh				10,368	
74	Xây dựng công thông tin điện tử các huyện: Bảo Lâm, Bảo Lạc, Nguyên Bình, Thông Nông, Quảng Uyên, Thạch An, Trà Lĩnh, Hà Lang, Phục Hòa, Hòa An			1647/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh				11,427	
75	Đường vào lối mở Nà Đổng, cửa khẩu Trà Lĩnh, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng			1686/UBND-TH ngày 23/8/2011 của UBND tỉnh; 545/QĐ-UBND ngày 26/4/2012 của UBND tỉnh				42,639	
76	Hệ thống mương thoát nước trong khu kinh tế cửa khẩu Sóc Giang, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng			1999/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh				13,857	
77	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng			1272/QĐ-UBND ngày 06/8/2010 của UBND tỉnh				310,432	
78	Cải tạo, nâng cấp đường vào lối mở Trúc Long, cửa khẩu Sóc Giang, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng			2115/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh				43,024	
79	Cải tạo, sửa chữa công trình cấp nước sạch thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng			380/QĐ-UBND ngày 30/03/2016 của UBND tỉnh				16,664	
80	Đường giao thông khu đô thị mới Đề Thám, thành phố Cao Bằng (Đường đầu nối QL3)			2405/QĐ-UBND ngày 29/10/2008 của UBND tỉnh				75,131	
81	Trụ sở làm việc UBND xã Kim Cúc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng			1944/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh				75,235	

STT		Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
82	Thủy lợi Thua Nà, xã Sơn Lộ, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng			3161/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh				38,338	
83	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng			102/QĐ-UBND ngày 19/01/2011 của UBND tỉnh				79,715	
84	Khu căn cứ quân sự huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng			266/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND tỉnh				13,800	
V.3	Thực hiện dự án đầu tư				22.000,000	5.000,000	22.000,000	5.000,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				22.000,000	5.000,000	22.000,000	5.000,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025				22.000,000	5.000,000	22.000,000	5.000,000	
	Dự án nhóm C								
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xóm Đồng Át, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	QH	2023-2025	18/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh	22.000,000	5.000,000	22.000,000	5.000,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh quyết nghị		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn cân đối NSDP							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Dự án nhóm C												
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xóm Đồng Ất, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	QH	2023-2025	18/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh	22.000,000	5.000,000				5.000,000	22.000,000	5.000,000	
A.2	Điều chỉnh số vốn dự phòng chung (đã xác định tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021)				13.174.000,000	1.893.967,870	5.369.311,196	369.311,196	187.215,539	187.215,539	6.762.095,657	369.311,196	
A.2.1	Dự phòng chung						369.311,196	369.311,196	187.215,539		182.095,657	182.095,657	
A.2.2	Phân bổ chi tiết số vốn giảm từ dự phòng chung				13.174.000,000	1.893.967,870	5.000.000,000			187.215,539	6.580.000,000	187.215,539	
I	Các hoạt động kinh tế				13.174.000,000	1.893.967,870	5.000.000,000			187.215,539	6.580.000,000	187.215,539	
I.1	Giao thông				13.174.000,000	1.893.967,870	5.000.000,000			187.215,539	6.580.000,000	187.215,539	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				13.174.000,000	1.893.967,870	5.000.000,000			187.215,539	6.580.000,000	187.215,539	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm A												
1	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn)-Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	Tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn	2020-2025	1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của TTgCP; 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của TTgCP	13.174.000,000	1.893.967,870	5.000.000,000			187.215,539	6.580.000,000	187.215,539	
B	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất				13.187.812,343	294.600,000		294.600,000	14.500,000	14.500,000	6.593.812,343	294.600,000	
B.1	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 78/NQ- HĐND ngày 09/12/2022				13.187.812,343	294.600,000		294.600,000	14.500,000	14.500,000	6.593.812,343	294.600,000	
B.1.1	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết							14.500,000	14.500,000				
B.1.2	Phân bổ chi tiết				13.187.812,343	294.600,000	5.000.000,000	280.100,000		14.500,000	6.593.812,343	294.600,000	
B.1.2.1	Bổ trí cho dự án thực hiện nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận xây dựng CSDL đất đai chính lý hồ sơ địa chính				13.812,343	13.812,343				13.812,343	13.812,343	13.812,343	
I	Bảo vệ môi trường				13.812,343	13.812,343				13.812,343	13.812,343	13.812,343	
I.1	Tài nguyên				13.812,343	13.812,343				13.812,343	13.812,343	13.812,343	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				13.812,343	13.812,343				13.812,343	13.812,343	13.812,343	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh quyết nghị		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn cân đối NSDP							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm C												
1	Lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất trên địa bàn các huyện: Bảo Lâm, Bảo Lạc, Hạ Lang, Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Bảo Lâm, Bảo Lạc, Hà Quảng, Hạ Lang	2023-2025	15/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh	13.812,343	13.812,343				13.812,343	13.812,343	13.812,343	
B.1.2.1	Thực hiện dự án đầu tư công				13.174.000,000	280.787,657	5.000.000,000	280.100,000		687,657	6.580.000,000	280.787,657	
I	Các hoạt động kinh tế				13.174.000,000	280.787,657	5.000.000,000	280.100,000		687,657	6.580.000,000	280.787,657	
I.1	Giao thông				13.174.000,000	280.787,657	5.000.000,000	280.100,000		687,657	6.580.000,000	280.787,657	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				13.174.000,000	280.787,657	5.000.000,000	280.100,000		687,657	6.580.000,000	280.787,657	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm A												
1	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn)-Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	Tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn	2020-2024	1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của TTgCP; 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của TTgCP	13.174.000,000	280.787,657	5.000.000,000	280.100,000		687,657	6.580.000,000	280.787,657	

Biểu số 05

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN TĂNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (BAO GỒM TĂNG THU TỪ SỬ DỤNG ĐẤT) GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh quyết nghị		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu NSDP	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: Vốn tăng thu NSDP
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tăng thu NSDP							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	TỔNG CỘNG				26.550.000,000	3.872.488,946	10.280.000,000	2.122.351,473	1.307.945,804	1.307.945,804	13.306.504,000	2.122.351,473	
A	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09/12/2022				13.196.000,000	1.912.244,473	5.000.000,000	1.358.052,804	1.152.449,804	1.152.449,804	6.602.000,000	1.358.052,804	
A.1	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết							1.358.052,804	1.152.449,804			205.603,000	
A.2	Phân bổ chi tiết				13.196.000,000	1.912.244,473	5.000.000,000			1.152.449,804	6.602.000,000	1.152.449,804	
I	Các hoạt động kinh tế				13.174.000,000	1.900.244,473	5.000.000,000			1.140.449,804	6.580.000,000	1.140.449,804	
I.1	Giao thông				13.174.000,000	1.900.244,473	5.000.000,000			1.140.449,804	6.580.000,000	1.140.449,804	
(l)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				13.174.000,000	1.900.244,473	5.000.000,000			1.140.449,804	6.580.000,000	1.140.449,804	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm A												
1	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn)- Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	Tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn	2020-2025	1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của TTgCP; 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của TTgCP	13.174.000,000	1.900.244,473	5.000.000,000			1.140.449,804	6.580.000,000	1.140.449,804	
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				22.000,000	12.000,000				12.000,000	22.000,000	12.000,000	
(l)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				22.000,000	12.000,000				12.000,000	22.000,000	12.000,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025				22.000,000	12.000,000				12.000,000	22.000,000	12.000,000	
	Dự án nhóm C												
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xóm Đồng Ất, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	QH	2023-2025	18/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh	22.000,000	12.000,000				12.000,000	22.000,000	12.000,000	
B	Điều chỉnh số vốn đã phân bổ chi tiết				13.354.000,000	1.960.244,473	5.280.000,000	764.298,669	155.496,000	155.496,000	6.704.504,000	764.298,669	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh quyết nghị		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu NSDP	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: Vốn tăng thu NSDP
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tăng thu NSDP							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
B.1	Quy hoạch phát triển đất						100.000,000	100.000,000	95.496,000		4.504,000	4.504,000	
I	Tăng vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất						100.000,000	100.000,000	95.496,000		4.504,000	4.504,000	
B.2	Thực hiện các dự án đầu tư công				13.354.000,000	1.960.244,473	5.180.000,000	664.298,669	60.000,000	155.496,000	6.700.000,000	759.794,669	
I	Y tế, dân số và gia đình				180.000,000	60.000,000	180.000,000	60.000,000	60.000,000		120.000,000	-	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				180.000,000	60.000,000	180.000,000	60.000,000	60.000,000		120.000,000	-	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm B												
I	Xây dựng mới Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng	TPCB	2023-2026	900/QĐ-UBND; 31/5/2021; 1898/QĐ-UBND, 13/10/2021; 31/QĐ-UBND, 14/01/2022	180.000,000	60.000,000	180.000,000	60.000,000	60.000,000		120.000,000	-	
II	Các hoạt động kinh tế				13.174.000,000	1.900.244,473	5.000.000,000	604.298,669		155.496,000	6.580.000,000	759.794,669	
II.1	Giao thông				13.174.000,000	1.900.244,473	5.000.000,000	604.298,669		155.496,000	6.580.000,000	759.794,669	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				13.174.000,000	1.900.244,473	5.000.000,000	604.298,669		155.496,000	6.580.000,000	759.794,669	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm A												
I	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn)- Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	Tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn	2020-2024	1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của TTgCP; 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của TTgCP	13.174.000,000	1.900.244,473	5.000.000,000	604.298,669		155.496,000	6.580.000,000	759.794,669	

JK

Biểu số 06

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN THU ĐƯỢC TỪ SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÁC CƠ QUAN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh quyết nghị		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	TỔNG SỐ				425.929,984	425.929,984	156.436,000	156.436,000	65.693,224	65.693,224	156.436,000	156.436,000	
A	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09/12/2022				425.929,984	425.929,984	156.436,000	156.436,000	65.693,224	65.693,224	156.436,000	156.436,000	
A.1	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết						130.436,000	130.436,000	65.693,224		64.742,776	64.742,776	
A.2	Phân bổ chi tiết				425.929,984	425.929,984	26.000,000	26.000,000		65.693,224	91.693,224	91.693,224	
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				425.929,984	425.929,984	26.000,000	26.000,000		65.693,224	91.693,224	91.693,224	
(1)	Danh mục dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				425.929,984	425.929,984	26.000,000	26.000,000		65.693,224	91.693,224	91.693,224	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm B												
1	Trụ sở làm việc các cơ quan Đảng tỉnh Cao Bằng	TPCB	2016-2020	1186/QĐ-UBND, 25/10/2016 1158/QĐ-UBND, 06/7/2020, 03/NQ-HĐND, 06/02/2023	425.929,984	425.929,984	26.000,000	26.000,000		65.693,224	91.693,224	91.693,224	